

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ
VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 18

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Lô 55 Đường N2, Cụm Công nghiệp An Xá

Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết bị và Xây lắp điện Thiên Trường (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong suốt giai đoạn và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hoàng Hữu Tuấn	Chủ tịch
Ông Mai Vũ Thạch	Thành viên
Ông Vũ Quốc Trị	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Mai Vũ Thạch	Giám đốc
Ông Vũ Quốc Trị	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính từ trang 3 đến trang 18, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình Lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Mai Vũ Thạch

Giám đốc

Nam Định, ngày 22 tháng 3 năm 2011

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 của
Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết bị và Xây lắp Điện Thiên Trường**

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết bị và Xây lắp Điện Thiên Trường**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bằng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với các báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh và Lưu chuyển tiền tệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết bị và Xây lắp điện Thiên Trường (gọi tắt là “Công ty”) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Các Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình Lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thống lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính từ trang 3 đến trang 18. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Trần Văn Thúc
Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 554/KTV
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH
Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Kreston International
Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2011

Nguyễn Hồng Hiền
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1117/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẮP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Lô 55 Đường N2, Cụm Công nghiệp An Xá
 Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		39.597.797.621	21.876.608.337
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	4.144.658.300	607.409.557
1. Tiền	111		4.144.658.300	607.409.557
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Phải thu ngắn hạn	130	4.2	20.472.269.121	10.839.711.370
1. Phải thu khách hàng	131		20.059.265.515	10.573.481.049
2. Trả trước cho người bán	132		413.003.606	266.230.321
IV. Hàng tồn kho	140	4.3	14.701.627.118	10.003.003.424
1. Hàng tồn kho	141		14.701.627.118	10.003.003.424
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		279.243.082	426.483.986
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		58.344.182	103.479.703
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		220.898.900	323.004.283
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		8.023.120.506	4.850.306.513
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		8.023.120.506	4.850.306.513
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.4	6.817.939.082	2.547.362.154
- Nguyên giá	222		7.704.365.624	2.953.880.229
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(886.426.542)	(406.518.075)
3. Tài sản cố định vô hình	227	4.5	103.645.986	113.450.253
- Nguyên giá	228		125.252.000	125.252.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(21.606.014)	(11.801.747)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	4.6	1.101.535.438	2.189.494.106
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		47.620.918.127	26.726.914.850

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẮP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Lô 55 Đường N2, Cụm Công nghiệp An Xá

Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		18.322.852.243	14.504.214.687
I. Nợ ngắn hạn	310		17.725.676.878	13.693.039.322
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	4.7	7.550.000.000	2.720.000.000
2. Phải trả người bán	312		8.060.608.512	9.801.161.854
3. Người mua trả tiền trước	313		440.408.000	160.455.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	4.8	1.674.660.366	1.011.422.468
II. Nợ dài hạn	330		597.175.365	811.175.365
4. Vay và nợ dài hạn	334	4.9	580.000.000	800.000.000
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		17.175.365	11.175.365
B. NGUỒN VỐN (400=410+430)	400		29.298.065.884	12.222.700.163
I. Nguồn vốn chủ sở hữu	410	4.10	29.298.065.884	12.222.700.163
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		25.000.000.000	12.000.000.000
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420	4.11	4.298.065.884	222.700.163
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		47.620.918.127	26.726.914.850

Mai Vũ Thạch

Giám đốc

Nam Định, ngày 22 tháng 3 năm 2011

Trần Thị Hồng Mến

Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẮP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Lô 55 Đường N2, Cụm Công nghiệp An Xá

Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

Mẫu B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	4.12	44.329.285.422	31.097.155.980
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		44.329.285.422	31.097.155.980
4. Giá vốn hàng bán	11	4.13	35.990.146.532	28.816.787.445
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		8.339.138.890	2.280.368.535
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.14	8.511.829	29.003.338
7. Chi phí tài chính	22	4.15	557.588.641	559.574.721
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		511.563.423	538.019.820
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.115.029.343	1.585.723.642
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		5.675.032.735	164.073.510
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		234.208.364	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(234.208.364)	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		5.440.824.371	164.073.510
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.16	1.365.458.650	5.136.578
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		4.075.365.721	158.936.932
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.17	1.936	225

Mai Vũ Thạch**Giám đốc**

Nam Định, ngày 22 tháng 3 năm 2011

Trần Thị Hồng Mến**Kế toán trưởng**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

Mẫu B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		5.440.824.371	164.073.510
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		489.712.734	189.186.396
- Chi phí lãi vay	06		511.563.423	538.019.820
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		6.442.100.528	891.279.726
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(9.530.452.368)	(6.763.441.085)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(4.698.623.694)	1.726.942.380
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(2.645.683.657)	(3.002.461.009)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		45.135.521	(103.479.703)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(511.563.423)	(540.125.203)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(20.680.993)	(3.655.105)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(10.919.768.086)	(7.794.939.999)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(1.949.003.906)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		8.511.829	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		8.511.829	(1.949.003.906)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		9.838.505.000	9.900.000.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		10.950.000.000	4.120.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(6.340.000.000)	(4.741.532.349)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		14.448.505.000	9.278.467.651
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		3.537.248.743	(465.476.254)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		607.409.557	1.072.885.811
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	4.1	4.144.658.300	607.409.557

Mai Vũ Thạch

Giám đốc

Nam Định, ngày 22 tháng 3 năm 2011

Trần Thị Hồng Mến

Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẮP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Lô 55 Đường N2, Cụm Công nghiệp An Xá

Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết bị và Xây lắp Điện Thiên Trường (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0600324084 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 22 tháng 04 năm 2010 trên cơ sở chuyển đổi tên gọi từ Công ty Cổ phần Thuận Hưng.

Công ty Cổ phần Thuận Hưng được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0703000328 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp lần đầu ngày 10 tháng 11 năm 2003.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Xây lắp đường dây và trạm biến áp điện đến 35KV; San lấp mặt bằng; Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; Sản xuất, mua bán hàng thủ công mỹ nghệ; Mua bán vật tư, thiết bị ngành điện; Mua bán lương thực, hàng nông, lâm thủy sản, phân bón nông nghiệp; Sản xuất các mặt hàng nhựa, cơ khí xuất khẩu; Sản xuất, mua bán hàng may mặc công nghiệp xuất khẩu; Mua bán điện thoại các loại; Đại lý dịch vụ bưu chính viễn thông; Mua bán các thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm, hoá chất ngành in; Vận tải hàng hoá và khách hàng theo hợp đồng; Cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi; Khai thác, mua bán khoáng sản, vật liệu xây dựng; Mua bán cho thuê máy móc, thiết bị ngành công trình.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

2.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

2.2 Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

3.1 Chế độ kế toán áp dụng và thực hiện các chuẩn mực kế toán Việt Nam

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

Công ty đã thực hiện các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Lô 55 Đường N2, Cụm Công nghiệp An Xá

Báo cáo tài chính

Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***3.2 Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.4 Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

3.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

3.6 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm
Máy móc và thiết bị	6 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 10

3.7 Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất tại khu công nghiệp và phần mềm kế toán, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.8 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

3.9 Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán dựa trên các Biên bản nghiệm thu, quyết toán từng phần hoặc toàn bộ công trình.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

3.10 Các khoản trả trước ngắn hạn

Các khoản chi phí trả trước ngắn hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ được phân bổ ngay 50% giá trị vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi xuất dùng và phân bổ nốt giá trị còn lại khi có giấy báo hỏng.

3.11 Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các khoản tiền tệ, công nợ ngắn hạn được phản ánh lũy kế trên Bảng cân đối kế toán, chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các khoản công nợ dài hạn được phản ánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

3.12 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẮP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Lô 55 Đường N2, Cụm Công nghiệp An Xá

Báo cáo tài chính

Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***3.13 Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

3.14 Thuế

Công ty hạch toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Theo biên bản xác nhận đăng ký đầu tư dự án, số 07121000076 ngày 14 tháng 08 năm 2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định thì Công ty được miễn thuế 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 3 năm tiếp theo đối với hoạt động của dự án “Xưởng sản xuất cơ khí và hàng mĩ nghệ”. Các loại sản phẩm thuộc dự án này bao gồm: xà điện, bulông, lọ hoa tre và khay tre. Năm 2010 là năm thứ 2 Công ty được miễn thuế Thu nhập doanh nghiệp đối với các khoản thu nhập từ dự án này.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẮP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Lô 55 Đường N2, Cụm Công nghiệp An Xá

Báo cáo tài chính

Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Tiền mặt	65.779.953	211.195.623
Tiền gửi ngân hàng	4.078.878.347	396.213.934
Cộng	4.144.658.300	607.409.557

4.2 Các khoản phải thu

	31/12/2010		31/12/2009	
	Tổng số	Số nợ quá hạn	Tổng số	Số nợ quá hạn
	VND	VND	VND	VND
Phải thu của khách hàng	20.059.265.515	-	10.573.481.049	-
Trả trước cho người bán	413.003.606	-	266.230.321	-
Cộng	20.472.269.121	-	10.839.711.370	-

4.3 Hàng tồn kho

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	9.265.965.028	4.367.601.796
Công cụ, dụng cụ	451.296.689	388.396.689
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.984.365.401	2.235.493.312
Hàng hoá	-	3.011.511.627
Cộng	14.701.627.118	10.003.003.424

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẮP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Lô 55 Đường N2, Cụm Công nghiệp An Xá

Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MÀU B 09-DNN***Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***4.4 Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cây lâu năm VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 31/12/2009	-	1.420.000.000	1.475.803.965	58.076.264	-	2.953.880.229
Tăng trong năm	4.145.785.395	604.700.000	-	-	5.780.000.000	10.530.485.395
XDCB hoàn thành	4.145.785.395	-	-	-	-	4.145.785.395
Tăng khác	-	604.700.000	-	-	5.780.000.000	6.384.700.000
Giảm trong năm	-	-	-	-	5.780.000.000	5.780.000.000
Giảm khác	-	-	-	-	5.780.000.000	5.780.000.000
Số dư tại 31/12/2010	4.145.785.395	2.024.700.000	1.475.803.965	58.076.264	-	7.704.365.624
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 31/12/2009	-	189.047.620	193.697.195	23.773.260	-	406.518.075
Tăng trong năm	113.526.793	222.862.032	129.009.642	14.510.000	-	479.908.467
Khấu hao trong năm	113.526.793	222.862.032	129.009.642	14.510.000	-	479.908.467
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2010	113.526.793	411.909.652	322.706.837	38.283.260	-	886.426.542
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 31/12/2009	-	1.230.952.380	1.282.106.770	34.303.004	-	2.547.362.154
Tại 31/12/2010	4.032.258.602	1.612.790.348	1.153.097.128	19.793.004	-	6.817.939.082

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẮP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Lô 55 Đường N2, Cụm Công nghiệp An Xá

Báo cáo tài chính

Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU B 09-DNN***Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***4.5 Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm kế toán VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 31/12/2009	112.752.000	12.500.000	125.252.000
Tăng trong năm	-		-
Giảm trong năm	-		-
Số dư tại 31/12/2010	112.752.000	12.500.000	125.252.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 31/12/2009	4.510.080	7.291.667	11.801.747
Tăng trong năm	5.637.600	4.166.667	9.804.267
Khấu hao trong năm	5.637.600	4.166.667	9.804.267
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2010	10.147.680	11.458.334	21.606.014
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 31/12/2009	108.241.920	5.208.333	113.450.253
Tại 31/12/2010	102.604.320	1.041.666	103.645.986

4.6 Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Công trình xây dựng nhà, hàng rào khu Công nghiệp	1.101.535.438	2.189.494.106
Cộng	1.101.535.438	2.189.494.106

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẮP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Lô 55 Đường N2, Cụm Công nghiệp An Xá

Báo cáo tài chính

Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU B 09-DNN***Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***4.7 Các khoản vay và nợ ngắn hạn**

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Vay ngắn hạn		
Vay Ngân hàng	2.950.000.000	520.000.000
<i>Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Nam Định</i>	-	220.000.000
Hợp đồng vay số 03/2009/HĐ/03/1446074, ngày 23/09/2009 với số tiền 220.000.000 đồng, mục đích: trả tiền mua vật tư thi công công trình, thời hạn vay: 06 tháng kể từ ngày bên vay rút tiền lần đầu tiên. Lãi suất vay: 10,5%/năm và được điều chỉnh 3 tháng/lần theo thông báo của Ngân hàng, lãi suất được thanh toán vào ngày 15 hàng tháng.	-	220.000.000
<i>Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thành Nam</i>	2.950.000.000	-
Hợp đồng vay số 3202LA2009858, ngày 17/06/2009 với mức dư nợ cao nhất 500.000.000 đồng. Giấy nhận nợ lần 1 ngày 29/05/2009 với số tiền 300.000.000 đồng, mục đích: thanh toán tiền mua nhôm theo HĐKT số 23/HĐKT- 3T ngày 23/06/2009, thời hạn vay là 11 tháng kể từ ngày bên vay rút tiền lần đầu tiên. Lãi suất vay: 10,5%/năm và được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng. Bên vay cam kết trả nợ ngày 29/04/2010. Biện pháp bảo đảm là thế chấp cầm cố tài sản tài sản.	-	300.000.000
Hợp đồng vay số 3202LA200900858 ngày 15/01/2010 kèm theo các phụ lục hợp đồng sửa đổi với mức dư nợ cao nhất 3.400.000.000 đồng, mục đích vay là thanh toán tiền mua nguyên vật liệu hàng hóa. Hợp đồng vay được thực hiện theo từng lần nhận nợ. Lãi suất vay: 12%/năm được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng. Biện pháp bảo đảm là thế chấp cầm cố tài sản tài sản.	2.950.000.000	-
Vay Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	4.600.000.000	
Hợp đồng bao thanh toán từng lần số 04/2010/HĐBTT-NH-DN/TCĐL ngày 22/11/2010 với mục đích bao thanh toán các khoản phải thu phát sinh từ việc cung cấp dịch vụ theo thỏa thuận trong các hợp đồng thi công xây dựng giữa Bên cung cấp dịch vụ là Công ty Cổ phần Đầu tư thiết bị và Xây lắp điện Thiên Trường và Bên sử dụng dịch vụ là Công ty Điện lực Nam Định - TCT Điện lực Miền Bắc. Tổng giá trị các khoản phải thu được bao thanh toán: 5.776.553.780 đồng, số tiền ứng trước là 80% giá trị trước thuế các khoản phải thu, tương ứng với 4.600.000.000 đồng. Thời hạn bao thanh toán tối đa 6 tháng kể từ ngày Công ty Tài chính cổ phần Điện lực ứng tiền trước, lãi suất bao thanh toán: 16%/năm và được điều chỉnh 3 tháng/lần.	4.600.000.000	-
Vay cá nhân	-	2.200.000.000
Cộng	7.550.000.000	2.720.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẮP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Lô 55 Đường N2, Cụm Công nghiệp An Xá

Báo cáo tài chính

Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU B 09-DNN***Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***4.8 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	309.826.716	991.366.475
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.364.833.650	20.055.993
Cộng	1.674.660.366	1.011.422.468

4.9 Các khoản vay và nợ dài hạn

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Vay dài hạn		
<i>Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thành Nam</i>	<i>580.000.000</i>	<i>800.000.000</i>
Hợp đồng tín dụng số 3202LAV200900 ngày 17/06/2009 với mức dư nợ cao nhất là 2.000.000.000 đồng, thời hạn vay vốn là 60 tháng. Giấy nhận nợ lần 1 ngày 21/07/2009 mức dư nợ 800.000.000 đồng, khoản vay với mục đích thanh toán tiền thi công công trình nhà điều hành 2 tầng và 3 tầng. Lãi suất tiền vay là 10,5%/năm, lãi quá hạn là 150% lãi suất vay trong hạn lãi suất cơ bản tăng thì lãi suất cho vay cũng được điều chỉnh tăng tương ứng.	580.000.000	800.000.000
Cộng	580.000.000	800.000.000

4.10 Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại 31/12/2008	2.100.000.000	63.763.231	2.163.763.231
Tăng trong năm	9.900.000.000	158.936.932	10.058.936.932
Tăng vốn	9.900.000.000	-	9.900.000.000
Lãi	-	158.936.932	158.936.932
Số dư tại 31/12/2009	12.000.000.000	222.700.163	12.222.700.163
Số dư tại 31/12/2009	12.000.000.000	222.700.163	12.222.700.163
Tăng trong năm	13.000.000.000	4.075.365.721	17.075.365.721
Tăng vốn (*)	13.000.000.000	-	13.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	4.075.365.721	4.075.365.721
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2010	25.000.000.000	4.298.065.884	29.298.065.884

(*) Trong năm 2010, cổ đông đã thực hiện góp vốn bằng tiền mặt, tài sản và nguyên vật liệu với tổng giá trị góp vốn là 13.000.000.000 đồng. Trong đó góp bằng tiền mặt là 9.838.505.000 đồng, góp bằng tài sản CDHH là 604.700.000 đồng và góp bằng nguyên vật liệu là 2.556.795.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẮP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Lô 55 Đường N2, Cụm Công nghiệp An Xá

Báo cáo tài chính

Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU B 09-DNN***Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***4.10 Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)****Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu tại 31/12/2010**

Cổ đông	Cơ cấu sở hữu			Giá trị vốn góp theo Đăng ký kinh doanh VND
	Số cổ phần	Tỷ lệ %	Giá trị VND	
Hoàng Hữu Tuấn	1.042.500	41,7	10.425.000.000	10.425.000.000
Mai Vũ Thạch	957.500	38,3	9.575.000.000	9.575.000.000
Vũ Quốc Trị	500.000	20	5.000.000.000	5.000.000.000
Tổng	2.500.000	100	25.000.000.000	25.000.000.000

Cổ phiếu	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
- Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	2.500.000	1.200.000
- Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	2.500.000	1.200.000
+ Cổ phiếu thường	2.500.000	1.200.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng Cổ phiếu đã mua lại	-	-
+ Cổ phiếu thường	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.500.000	1.200.000
+ Cổ phiếu thường	2.500.000	1.200.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

** Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000đ/Cổ phiếu***4.11 Phân phối lợi nhuận**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lợi nhuận chưa phân phối năm trước chuyển sang	222.700.163	63.763.231
Tổng lợi nhuận trước thuế phát sinh trong kỳ	5.440.824.371	164.073.510
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.365.458.650	5.136.578
Lợi nhuận sau thuế	4.075.365.721	158.936.932
Phân phối lợi nhuận sau thuế	-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	4.298.065.884	222.700.163

4.12 Doanh thu bán hàng

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Doanh thu công trình xây lắp	33.639.684.671	29.786.367.672
Doanh thu bán hàng	10.689.600.751	1.310.788.308
Cộng	44.329.285.422	31.097.155.980

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẮP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Lô 55 Đường N2, Cụm Công nghiệp An Xá

Báo cáo tài chính

Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU B 09-DNN***Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***4.13 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Giá vốn công trình xây lắp	28.916.058.880	27.677.456.153
Giá vốn hàng bán	7.074.087.652	1.139.331.292
Cộng	35.990.146.532	28.816.787.445

4.14 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.511.829	14.833.439
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	14.169.899
Cộng	8.511.829	29.003.338

4.15 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lãi tiền vay	511.563.423	538.019.820
Chi phí hoạt động tài chính khác	46.025.218	21.554.901
Cộng	557.588.641	559.574.721

4.16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận trước thuế	5.440.824.371	164.073.510
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	41.294.071	-
Trừ (-): Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng (+): Các khoản chi phí không được khấu trừ	41.294.071	-
Thu nhập chịu thuế	5.482.118.442	164.073.510
Thuế suất áp dụng	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất phổ thông	1.370.529.611	41.018.378
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm (*)	5.070.961	35.881.800
Tổng cộng thuế thu nhập doanh nghiệp	1.365.458.650	5.136.578

Theo biên bản xác nhận đăng ký đầu tư dự án, số 07121000076 ngày 14 tháng 08 năm 2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định thì Công ty được miễn thuế 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 3 năm tiếp theo đối với hoạt động của dự án “Xưởng sản xuất cơ khí và hàng mĩ nghệ”. Các loại sản phẩm thuộc dự án này bao gồm: xà điện, bulông, lọ hoa tre và khay tre. Năm 2010 là năm thứ 2 Công ty được miễn thuế Thu nhập doanh nghiệp đối với các khoản thu nhập từ dự án này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẮP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Lô 55 Đường N2, Cụm Công nghiệp An Xá

Báo cáo tài chính

Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**Mẫu B 09-DNN***Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***4.17 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
+ Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.075.365.721	158.936.932
+ Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
+ Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.075.365.721	158.936.932
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.104.658	705.000
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.936	225

4.18 Các khoản công nợ tiềm tàng

Công ty không có khoản công nợ tiềm tàng nào khác cần điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

4.19 Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Công ty không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán cần trình bày trên Báo cáo tài chính.

4.20 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh được lấy theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính.

Mai Vũ Thạch**Giám đốc**

Nam Định, ngày 22 tháng 3 năm 2011

Trần Thị Hồng Mến**Kế toán trưởng**